

UNIT 4. LEARNING WORLD

Vocabulary: School subjects – Unit 4 – Tiếng Anh 6 – Friends Plus

THINK! How many lessons have you got today? When are your break times? Is today an easy day or a difficult day for you?

(Nghĩ xem! Hôm nay em có mấy tiết học? Những giờ nghỉ giải lao là khi nào? Hôm nay là một ngày dễ dàng hay khó khăn với em?)

Hướng dẫn giải:

Today, I have 5 lessons: 2 Math lessons, 1 English lesson, 1 Physics lesson and 1 Music lesson. My break times are at 8:30 a.m and 10:30. Today is an easy day for me because I have my favourite lessons and teachers.

(Hôm nay tôi có 5 tiết học: 2 tiết Toán, 1 tiết tiếng Anh, 1 tiết Vật lý, và 1 tiết Âm nhạc. Giờ nghỉ giải lao lúc 8h30 và 10h30. Hôm nay là một ngày dễ dàng với tôi vì tôi có các môn học và giáo viên mà tôi yêu thích.)

1. Look at pictures 1-9. Then complete the questions with the words in the box. Listen and check your answers.

(Nhìn vào các bức tranh 1-9. Sau đó hoàn thành câu hỏi với các từ trong khung. Nghe và kiểm tra câu trả lời của em.)

art	English	geography	Spanish	history
PE ¹	science	ICT ²	maths	

PE = Physical Education

ICT = Information and Communication Technology



1. Are you good at.....?
2. When's our next.....**exam**?
3. Are you a/an.....**genius**?
4. Is your.....**notebook** organised?
5. Have we got a/an.....**class** tomorrow?
6. Do you study other languages, like.....?
7. Have you got.....homework today?
8. Do you think that our **textbook** is interesting?
9. How many.....**teachers** are there in the school?

Phương pháp:

- art: mỹ thuật
- English: tiếng Anh
- geography: địa lý
- Spanish: tiếng Tây Ban Nha
- history: lịch sử
- PE = Physical Education: giáo dục thể chất (thể dục)
- science: khoa học
- ICT = Information and Communication Technology: Công nghệ thông tin và truyền thông
- maths: toán

Hướng dẫn giải:

1. PE	2. geography	3. maths
4. science	5. ICT	6. Spanish
7. history	8. English	9. art

1. Are you good at **PE**?
(Bạn có giỏi môn thể dục không?)
2. When's our next **geography exam**?
(Khi nào thì kỳ thi Địa lý tiếp theo của chúng ta?)
3. Are you a **maths genius**?
(Bạn có phải là một thiên tài toán học không?)
4. Is your **science notebook** organised?
(Sổ ghi chép khoa học của bạn có được sắp xếp không?)
5. Have we got an **ICT class** tomorrow?
(Ngày mai chúng ta có tiết học Công nghệ thông tin và truyền thông không?)

6. Do you study other languages, like **Spanish**?

(Bạn có học các ngôn ngữ khác, như tiếng Tây Ban Nha không?)

7. Have you got **history** homework today?

(Hôm nay bạn có bài tập Lịch sử không?)

8. Do you think that our **English textbook** is interesting?

(Bạn có nghĩ sách giáo khoa tiếng Anh của chúng ta thú vị không?)

9. How many **art teachers** are there in the school?

(Có bao nhiêu giáo viên mỹ thuật trong trường?)

2. Work in pairs. Ask and answer the questions in the School questionnaire.

(Làm việc theo cặp. Hỏi và trả lời các câu hỏi ở phần School questionnaire.)

Hướng dẫn giải:

A: Are you good at PE?

(Bạn có giỏi môn Thể dục không?)

B: No, I'm not.

(Mình không giỏi môn Thể dục.)

A: When's our next geography exam?

(Khi nào thì kỳ thi Địa lý tiếp theo của chúng ta?)

B: It's next Thursday. (Thứ Năm tuần sau.)

A: Are you a maths genius?

(Bạn có phải là một thiên tài toán học không?)

B: No, I'm not.

(Không, tôi không phải.)

A: Is your science notebook organised?

(Sổ ghi chép khoa học của bạn có được sắp xếp không?)

B: Yes, it is.

(Có.)

A: Have we got an ICT class tomorrow?

(Ngày mai chúng ta có tiết học Công nghệ thông tin và truyền thông không?)

B: Yes, we've.

(Có.)

A: Do you study other languages, like Spanish?

(Bạn có học các ngôn ngữ khác, như tiếng Tây Ban Nha không?)

B: No, I don't. I just study English.

(Không. Mình chỉ học tiếng Anh.)

A: Have you got history homework today?

(Hôm nay bạn có bài tập Lịch sử không?)

B: No, I haven't. But I have geography homework.

(Không. Như mình có bài tập Địa lý.)

A: Do you think that our English textbook is interesting?

(Bạn có nghĩ sách giáo khoa tiếng Anh của chúng ta thú vị không?)

B: Yes, I do. I think it's quite good.

(Có. Mình nghĩ nó khá hay.)

A: How many art teachers are there in the school?

(Có bao nhiêu giáo viên mỹ thuật trong trường?)

B: There are 4 art teachers.

(Có 4 giáo viên Mỹ thuật.)

3. Watch or listen and answer the questions.

(Xem hoặc nghe và trả lời câu hỏi.)

1. Why does Georgia like Wednesday?

2. What language does Ben prefer?

Hướng dẫn giải:

1. Georgia likes Wednesday because she has her favourite subjects: maths and geography.

(Georgia thích thứ Tư vì cô ấy có môn học yêu thích: Toán và Địa lý.)

2. Ben prefers Spanish.

(Ben thích tiếng Tây Ban Nha.)

Nội dung bài nghe:

1. Georgia

Man: What's your favorite day at school?

Georgia: That's easy. Wednesday's my favorite day because I've got my 2 favorite subjects maths and geography I'm the maths genius.

Man: Have you got any maths or geography homework today?

Georgia: Yes, I've got a bit of math homework but the geography teacher doesn't give us homework. Yeah!

2. Sophie

Man: Tell me about your worst day at school.

Sophie: Well, my worst day? Yes, I've got the worst day that's Tuesday or class day, our art teacher is very strict. In fact, that's today.

3. Louis

Woman: What subjects aren't you good at?

Louis: I'm not great at science. We've got science on Thursdays so I don't like Thursdays. Thursday is definitely my worst day because we have 3 hours of science.

4. Lydia and Ben

Man: What subjects do you like?

Lydia: I love history. I'm really good at history because it's easy for me to remember dates. I also enjoy French because I think it's a beautiful language.

Ben: Yes, Lydia is great at French. I'm okay at French but I prefer Spanish.

Tạm dịch bài nghe:

1. Georgia

Nam: Ngày yêu thích của cháu ở trường là ngày nào?

Georgia: Quá dễ. Thứ Tư là ngày yêu thích của cháu vì cháu có 2 môn học yêu thích nhất là Toán và Địa lý. Cháu là thiên tài toán học đấy.

Nam: Hôm nay cháu có bài tập Toán hoặc bài tập Địa lý nào không?

Georgia: Có ạ, cháu có vài bài tập môn Toán học nhưng giáo viên Địa lý không giao bài tập về nhà. Hoan hô!

2. Sophie

Nam: Hãy kể cho chú nghe về ngày tồi tệ nhất của cháu ở trường.

Sophie: Chà, ngày tồi tệ nhất của cháu ạ? À, cháu đã có một ngày tồi tệ nhất đó là thứ Ba hoặc ngày mỹ thuật, giáo viên mỹ thuật của chúng cháu rất nghiêm khắc. Thật ra, đó là ngày hôm nay.

3. Louis

Nữ: Cháu không giỏi môn nào?

Louis: Cháu không giỏi môn khoa học. Chúng cháu có môn khoa học vào Thứ Năm nên cháu không thích Thứ Năm. Thứ Năm chắc chắn là ngày tồi tệ nhất của cháu vì chúng tôi có 3 giờ học khoa học.

4. Lydia và Ben

Nam: Cháu thích môn học nào?

Lydia: Cháu yêu lịch sử. Cháu thực sự giỏi lịch sử vì cháu rất dễ nhớ ngày tháng. Cháu cũng thích tiếng Pháp vì cháu nghĩ đó là một ngôn ngữ đẹp.

Ben: Vâng, Lydia rất giỏi tiếng Pháp. Cháu cũng giỏi tiếng Pháp nhưng cháu thích tiếng Tây Ban Nha hơn.

4. Watch or listen again and complete the Key Phrases.

(Xem hoặc nghe lại và hoàn thành Key Phrases.)

KEY PHRASES

Talking about school subjects

1. I've got no / a bit of / loads of (maths) homework.
2. Our (art) teacher is / isn't very / quite strict.
- 3 I'm great/ not great at..... .
- 4 I'm really good at..... .
5. I enjoy..... .
6. I'm OK at..... .
7. I prefer..... .

Hướng dẫn giải:

KEY PHRASES

Talking about school subjects

(Nói về các môn học ở trường.)

1. I've got **a bit of** maths homework.
(Tôi có vài bài tập Toán.)
2. Our art teacher **is very** strict.
(Giáo viên Mỹ thuật của chúng tôi rất nghiêm khắc.)
3. I'm not great at **science**.
(Tôi không giỏi môn Khoa học.)
4. I'm really good at **history**.
(Tôi thật sự giỏi môn Lịch sử.)
5. I enjoy **French**.
(Tôi thích môn tiếng Pháp.)
6. I'm OK at **French**.
(Tôi giỏi môn tiếng Pháp.)
7. I prefer **Spanish**.
(Tôi thích tiếng Tây Ban Nha hơn.)

5. USE IT! Complete the Key Phrases so that they are true for you. Then compare with your partner.

(Thực hành! Hoàn thành Key Phrases sao cho đúng với em. Sau đó thực hành với bạn của em.)

A: I'm really good at maths.

(Mình thật sự giỏi môn Toán.)

B: Me too! I'm OK at maths.

(Mình cũng vậy. Mình học tốt môn Toán.)

Hướng dẫn giải:

A: I've got a bit of history homework.

(Tôi có vài bài tập Lịch sử.)

B: Oh, our history teacher doesn't give any homework today.

(Ồ, giáo viên lịch sử của chúng mình hôm nay không giao bài tập về nhà.)

A: Our maths teacher is very strict.

(Giáo viên Toán của chúng mình rất nghiêm khắc.)

B: But my maths teacher isn't strict.

(Nhưng giáo viên Toán của mình không nghiêm khắc.)

A: I'm not great at PE.

(Mình không giỏi môn Thể dục.)

B: Neither do I.

(Mình cũng không.)

A: I'm really good at English.

(Mình thật sự giỏi môn tiếng Anh.)

B: Me too. I'm great at English.

(Mình cũng vậy. Mình giỏi tiếng Anh.)

A: I enjoy art.

(Mình thích môn Mỹ thuật.)

B: But I don't like art.

(Nhưng mình không thích Mỹ thuật.)

A: I'm OK at physics.

(Tôi giỏi môn Vật lý.)

B: Me too. I'm really good at Physics.

(Mình cũng vậy. Mình thật sự giỏi môn Vật lý.)

A: I prefer Biology.

(Tôi thích môn Sinh học hơn.)

B: But I prefer Chemistry.

(Nhưng mình thích môn Hóa học hơn.)

Finished? Write two text messages to a friend. Invent a very good day at school and a very bad day at school.

(Hoàn thành bài học? Viết hai tin nhắn văn bản cho một người bạn. Nghĩ ra một ngày rất tuyệt và một ngày rất tệ ở trường.)

Hướng dẫn giải:

- My very good day is Friday because I have just 4 lessons and I have all my favourite lessons: English, art, physics and maths. I'm really good at English and I enjoy maths. I'm also an art genius.

- My very bad day is Monday because it's the first day of the week and I have very long days after it. I also have subjects I don't really like: literature, geography, PE and chemistry. I'm not good at PE and the literature teacher is very strict.

Tạm dịch:

- Ngày tuyệt vời của tôi là thứ Sáu vì tôi chỉ có 4 tiết học và tôi có tất cả các bài học yêu thích của tôi: tiếng Anh, Mỹ thuật, Vật lý và Toán. Tôi thực sự giỏi tiếng Anh và tôi thích Toán. Tôi cũng là một thiên tài về môn Mỹ thuật.

- Ngày tồi tệ của tôi là thứ Hai vì đó là ngày đầu tiên trong tuần và tôi có những ngày rất dài sau đó. Tôi cũng có những môn học mà tôi không thực sự thích: Ngữ văn, Địa lý, Thể dục và Hóa học. Tôi không giỏi môn Thể dục và giáo viên dạy Văn rất nghiêm khắc.